

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 - 2025; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm 2016 - 2020 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp Nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1326 /SKHĐT-KT ngày 17/8/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 - 2025; Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm 2016 - 2020 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi, với những nội dung chính sau:

I. Chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2025.

1. Quan điểm

- Phát triển lâm nghiệp đồng bộ từ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng hợp lý tài nguyên, từ trồng rừng, cải tạo rừng đến khai thác chế biến lâm sản, dịch vụ môi trường, du lịch sinh thái... góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, đặc biệt đối với bảo vệ biên giới; góp phần quan trọng trong việc cải thiện đời sống, xoá đói, giảm nghèo cho người dân nông thôn và miền núi.

- Phát triển lâm nghiệp phải đóng góp ngày càng tăng vào tăng trưởng kinh tế, xoá đói, giảm nghèo và bảo vệ môi trường.

- Quản lý, sử dụng và phát triển rừng bền vững là nền tảng cho phát triển lâm nghiệp.

- Phát triển lâm nghiệp phải trên cơ sở đẩy nhanh và làm sâu sắc hơn chủ trương xã hội hóa nghề rừng, thu hút các nguồn lực đầu tư cho bảo vệ và phát triển rừng.

2. Mục tiêu

- Tạo sự chuyển biến căn bản về phương thức tổ chức quản lý, quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của Công ty theo cơ chế thị trường, trước hết về quản lý sử dụng đất đai, tài nguyên rừng, vốn và tài sản; tạo thêm việc làm và thu nhập, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, Công ty và người lao động.

- Cải thiện sinh kế của người làm nghề rừng thông qua xã hội hoá và đa dạng hoá các hoạt động lâm nghiệp, tạo công ăn việc làm, nâng cao nhận thức, năng lực và mức sống của người dân; đặc biệt chú ý đồng bào các dân tộc ít người, các hộ nghèo và phụ nữ ở vùng sâu, vùng xa để từng bước tạo cho người dân làm nghề rừng có thể sống được bằng nghề rừng, góp phần xoá đói, giảm nghèo và giữ vững an ninh quốc phòng.

- Bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học nhằm thực hiện có hiệu quả chức năng phòng hộ đầu nguồn, phòng hộ môi trường đô thị, giảm nhẹ thiên tai, chống xói mòn, giữ nguồn nước, bảo vệ môi trường sống; tạo nguồn thu cho ngành lâm nghiệp từ các dịch vụ môi trường (*phí môi trường, thị trường khí thải CO₂, du lịch sinh thái, du lịch văn hoá, nghỉ dưỡng...*) để đóng góp cho nền kinh tế đất nước.

- Giảm thiểu đến mức thấp nhất các vụ vi phạm vào rừng. Hạn chế canh tác nương rẫy trên đất lâm nghiệp.

3. Nội dung cơ bản

- Quản lý tốt rừng tự nhiên hiện có, gia tăng diện tích và năng suất rừng trồng, tăng cường các hoạt động nông lâm kết hợp và sử dụng có hiệu quả các diện tích đất trống đồi trọc phù hợp cho phát triển lâm nghiệp, cụ thể:

+ Quản lý bền vững và có hiệu quả 16.606,8 ha rừng, bao gồm: 16.322,8 ha rừng tự nhiên (*trong đó: 16.253 ha là rừng sản xuất*), 284 ha rừng trồng (*trong đó 271,2 ha là rừng sản xuất*).

+ Xây dựng dự án nuôi dưỡng rừng tự nhiên với quy mô 1.589 ha.

+ Xây dựng dự án trồng rừng sản xuất với quy mô khoảng 1.500 ha. Bình quân mỗi năm trồng từ 120-150 ha. Tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức giải quyết 2.259,57 ha đất bị lấn chiếm theo Phương án sử dụng đất được duyệt. Phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết các tồn tại, vướng mắc về đất đai.

- Tăng cường công tác quản lý sử dụng đất lâm nghiệp chặt chẽ, thống nhất, đúng mục đích, hiệu quả ngày càng cao, gắn với ổn định dân cư theo quy hoạch, giữ gìn an ninh trật tự và phát triển kinh tế xã hội ở địa phương. Chú trọng các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả rừng trồng theo hướng bền vững, đảm bảo giống cây trồng rừng có chất lượng.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho lực lượng làm công tác quản lý bảo vệ rừng nhằm nâng cao nhận thức về chủ trương, chính sách pháp luật, năng lực chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Duy trì và từng bước tăng chỉ tiêu biên chế cũng như chế độ chính sách đối với lực lượng làm công tác quản lý bảo vệ rừng, tích cực cải thiện điều kiện, phương tiện làm việc, nghiên cứu bổ sung kinh phí có tính chất đặc thù đối với hoạt động quản lý bảo vệ rừng theo quy định hiện hành.

- Tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh trên lâm phần có hiệu quả kinh tế cao, khai thác triệt để các nguồn lợi từ rừng mang lại nhưng không làm huỷ hoại môi trường sinh thái, bảo vệ và phát triển được vốn rừng hiện có, cùng với việc kinh doanh những công việc từ trước đến nay (*tôn lợp*) đang có hiệu quả.

- Đổi mới cơ chế quản lý điều hành doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu, mục tiêu sắp xếp đổi mới; tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là người đứng đầu doanh nghiệp.

- Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp cho đội ngũ cán bộ quản lý điều hành doanh nghiệp.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2016 - 2020.

1. Mục tiêu tổng quát

- Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Ủy ban nhân dân tỉnh đặt hàng hằng năm. Ưu tiên thực hiện trồng, chăm sóc rừng trồng sau khai thác.

- Xây dựng Phương án Sản xuất kinh doanh rừng theo hướng bền vững giai đoạn 2016 - 2021.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Các chỉ tiêu về sản phẩm chính giai đoạn 2016-2020

- Quản lý bảo vệ diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng hiện có: 1.709,35 ha.

- Quản lý bảo vệ rừng tự nhiên là rừng sản xuất: 14.608,15 ha.

- Quản lý bảo vệ rừng trồng: 289,3 ha.

- Chăm sóc rừng thay thế: 50 ha.

- Hợp tác kinh doanh *tôn lợp* (*doanh thu bình quân 207 triệu đồng/năm*).

b) Các chỉ tiêu chính về tài chính giai đoạn 2016-2020

- Doanh thu bình quân: 807 triệu đồng/năm.

- Tổng lợi nhuận trước thuế bình quân: 20,7 triệu đồng/năm.

- Nộp ngân sách nhà nước bình quân: 30,3 triệu đồng/năm.

(Chi tiết tại Phụ lục 1)

3. Danh mục đầu tư giai đoạn 2016-2020

Dự kiến tổng giá trị đầu tư các dự án giai đoạn 2016 - 2020 là 49.265 triệu đồng từ các nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước, vốn của Công ty, vốn vay, nguồn thu dịch vụ môi trường rừng, trong đó:

- Hoạt động lâm sinh: 17.299 triệu đồng.
- Phát triển rừng: 14.934 triệu đồng.
- Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng: 2.500 triệu đồng.
- Rà soát, đo đạc, cắm mốc, lập bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 14.532 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 2)

III. Giải pháp thực hiện

1. Về đất đai

- Lập phương án sử dụng đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với phần diện tích mà Công ty tiếp tục giữ lại để quản lý, sử dụng sau khi thực hiện sắp xếp theo Nghị định 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp. Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan giải quyết các tồn tại, vướng mắc về đất đai; đồng thời, tổ chức bàn giao về địa phương quản lý sử dụng phần diện tích mà Công ty không có nhu cầu sử dụng theo Phương án sử dụng đất được duyệt.

- Tăng cường công tác quản lý sử dụng đất lâm nghiệp chặt chẽ, thống nhất, đúng mục đích, hiệu quả ngày càng cao gắn với ổn định dân cư theo quy hoạch, giữ gìn an ninh trật tự và phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

- Xây dựng dự án trồng rừng sản xuất với quy mô 1.500 ha trình các cấp thẩm quyền phê duyệt, đồng thời với việc rà soát nhân sự thành lập Ban quản lý dự án để tiến hành thực thi dự án.

- Chú trọng các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả rừng trồng theo hướng bền vững, đảm bảo giống cây trồng rừng có chất lượng.

2. Về bảo vệ, phát triển rừng

- Phối hợp với các cấp chính quyền địa phương, giải quyết dứt điểm các vụ xâm chiếm đất lâm nghiệp trái pháp luật tại khu vực rừng trồng đã khai thác, để tiến hành trồng lại rừng; xây dựng kế hoạch, nội dung, phương pháp phối hợp với các ngành chức năng, chính quyền địa phương về công tác bảo vệ rừng.

- Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng theo đơn đặt hàng của tỉnh và nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng lâm trường, trạm bảo vệ rừng về: Phạm vi bảo vệ, đối tượng, nội dung bảo vệ và nội quy, quy chế kiểm tra. Thường xuyên tiến hành tuần tra, kiểm tra rừng, nhằm ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại đến rừng. Kiểm tra, hướng dẫn các hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng về các nội dung bảo vệ. Kiên quyết đấu tranh phòng chống mọi hành vi xâm hại đến tài

nguyên rừng như khai thác gỗ, săn bắt động vật rừng, phá rừng làm nương rẫy, cháy rừng... Xây dựng kế hoạch, phương án phòng cháy, chữa cháy rừng, đặc biệt trong mùa khô hanh, khi mà nhân dân thường đốt nương, làm rẫy.

- Trên cơ sở nguồn kinh phí hỗ trợ từ việc thực hiện đề án tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014 - 2016 theo Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014 - 2020, tiếp tục tăng cường lực lượng quản lý bảo vệ rừng chuyên trách cho các lâm trường để thường xuyên hơn nữa trong công tác tuần tra, kiểm soát quản lý bảo vệ rừng.

- Cân đối nguồn kinh phí hỗ trợ quản lý bảo vệ rừng, xác định các điểm nóng trong công tác quản lý bảo vệ xây dựng hồ sơ tiến hành giao khoán cho nhân dân trên địa bàn.

- Phối hợp hơn nữa với chính quyền địa phương và hạt kiểm lâm giải quyết tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ phát triển rừng.

- Xây dựng dự án nuôi dưỡng rừng tự nhiên trên diện tích 1.589 ha rừng nghèo kiệt. Trong năm 2016 giao mỗi lâm trường 100 ha rừng nghèo để nuôi dưỡng.

- Thực hiện các biện pháp lâm sinh phù hợp với từng đối tượng rừng, mục tiêu quy hoạch và quy chế quản lý rừng.

3. Về tài chính, tín dụng

- Đa dạng hoá hình thức huy động vốn để trang trải cho nhu cầu sản xuất kinh doanh theo kế hoạch. Trong đó, cần chú trọng tăng cường quan hệ với các ngân hàng; các tổ chức có khả năng liên doanh, liên kết đúng pháp luật..

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quy chế quản lý nợ của Công ty nhằm hạn chế các khoản nợ đọng dây dưa, giảm thiểu đến mức thấp nhất các khoản nợ phải thu khó đòi.

- Quản lý tốt nguồn thu từ bán gỗ khai thác rừng tự nhiên (*khai thác tận dụng nếu có*) nguồn thu từ chi trả dịch vụ môi trường rừng và các nguồn thu từ sản xuất kinh doanh khác để thanh toán các chi phí hợp lý, đầu tư phát triển rừng, thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và trích lập các quỹ của công ty theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác quản lý tài chính. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, đề xuất các biện pháp cắt giảm chi phí quản lý. Thực hiện các biện pháp tích cực, có hiệu quả để cải thiện tình hình tài chính, đặc biệt là tình hình công nợ tồn đọng và tiến dần đến lành mạnh hoá tình hình tài chính của Công ty trong thời gian nhanh nhất.

- Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như: Đầu tư từng giai đoạn, lấy nguồn thu từ khấu hao, lợi nhuận để đầu tư phát triển.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn thu dịch vụ môi trường rừng, đặc biệt chú trọng vào công tác phát triển rừng.

- Huy động các nguồn lực về vốn từ các dự án để lồng ghép kế hoạch đầu tư trồng rừng hàng năm của đơn vị.

4. Về lao động

- Tiến hành xây dựng và áp dụng các chính sách về xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nhân lực về quản lý và điều hành của doanh nghiệp trên tinh thần quán triệt Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 6/6/2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao; về tiền lương, thưởng; về chế độ đãi ngộ và chính sách đánh giá, kiểm soát cán bộ, công nhân viên chức trong Công ty. Đổi mới căn bản chế độ tiền lương, có cơ chế gắn trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích của người quản lý với kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Rà soát, đánh giá hiện trạng nguồn nhân lực của Công ty, trên cơ sở đó có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực trình độ và đổi mới hoạt động đối với cán bộ, công nhân viên chức của Công ty. Kết hợp với chương trình đào tạo nghề nông nghiệp nông thôn để bồi dưỡng kiến thức nâng cao tay nghề cho người dân làm nghề rừng. Xây dựng và ban hành quy chế trả lương theo nguyên tắc tiền lương phải gắn với chất lượng và hiệu quả lao động.

5. Về khoa học và công nghệ

- Thực hiện tốt việc áp dụng khoa học, công nghệ trong chọn tạo, sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp, đảm bảo giống chất lượng cho năng suất và sản lượng cao. Nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công tác giống cho cán bộ, công nhân viên chức của Công ty.

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ mới tiên tiến hiện đại vào sản xuất, tham quan học hỏi kinh nghiệm để đưa các giống cây trồng có chu kỳ ngắn, chất lượng tốt, năng suất cao vào trồng sản xuất tại đơn vị.

- Nghiên cứu, thử nghiệm, tuyển chọn các giống cây lâm nghiệp, cây dược liệu có giá trị, có năng suất cao phù hợp với địa bàn để đưa vào trồng kinh doanh.

- Đầu tư xây dựng vườn ươm cây giống có chất lượng phục vụ doanh nghiệp và Nhân dân trên địa bàn.

- Tiếp tục áp dụng các giải pháp lâm sinh, xây dựng các mô hình trồng rừng theo hướng bền vững.

- Xây dựng và ban hành quy trình cụ thể cho công tác trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng, nghiệm thu... đúng với quy định hiện hành là cơ sở triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát.

- Ứng dụng công nghệ thông tin làm nền tảng công nghệ cho hệ thống quản lý, áp dụng phần mềm vào công tác quản lý nhân sự, quản lý công văn chứng từ, quản lý dự án, quản lý kế hoạch, sản xuất, quản lý tài chính.

6. Về tổ chức bộ máy

- Tăng cường quản trị nội bộ Công ty theo phong cách quản trị hiện đại, thích hợp với loại hình hoạt động công ích. Vận dụng các nguyên tắc quản trị tiên tiến, xác định rõ quy chế quản lý nội bộ và vai trò kiểm soát của Chủ tịch công ty và cơ chế kiểm soát nội bộ. Thực hiện các quy chuẩn và các tiêu chí quản trị hiện đại để nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty theo quy định.

- Thực hiện nghiêm túc việc công khai minh bạch trong việc công bố thông tin về hoạt động của Công ty theo quy định. Tăng cường dân chủ cơ sở, nhất là vai trò của Tổ chức công đoàn, các đoàn thể quần chúng và của từng người lao động. Qua đó, người lao động trong Công ty ngày càng gắn bó hơn với doanh nghiệp. Mặt khác, quyền và trách nhiệm của người lao động cũng gắn bó với nhau hơn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi, bảo đảm doanh nghiệp thực hiện đúng chiến lược, kế hoạch đã được phê duyệt. Kịp thời xử lý những phát sinh cần giải quyết trong quá trình thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 - 2025, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm 2016 - 2020; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

2. Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao tạo điều kiện hỗ trợ để Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi triển khai thực hiện tốt Chiến lược phát triển 2016 - 2025, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm 2016 - 2020.

3. Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, bảo đảm hoàn thành chiến lược, kế hoạch đã được phê duyệt theo đúng quy định. Định kỳ hằng năm báo cáo việc thực hiện kế hoạch và những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, KT5 *Chap*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Hải



Phụ lục 01

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2016-2020
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HỒI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 2 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016-2020	Kế hoạch các năm					Bình quân	Ghi chú
				Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
I	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu									
1	Doanh thu	Triệu đồng	4,035	807	807	807	807	807	807	
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	103.5	20.7	20.7	20.7	20.7	20.7	20.7	
3	Đóng góp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	151.5	20.7	32.7	32.7	32.7	32.7	30.3	
II	Các chỉ tiêu về sản phẩm chính									
1	Cung ứng tiêu thụ dịch vụ môi trường rừng	Ha	8,546.75	1,709.35	1,709.35	1,709.35	1,709.35	1,709.35	1,709.35	
-	Rừng tự nhiên	Ha	8,224	1,644.88	1,644.88	1,644.88	1,644.88	1,644.88	1,644.88	
-	Rừng phòng hộ	Ha	322	64.47	64.47	64.47	64.47	64.47	64.47	
2	Hợp tác kinh doanh tole	Triệu đồng	1,035	207	207	207	207	207	207	
3	Quản lý bảo vệ rừng tự nhiên là rừng sản xuất	Ha	73,040.75	14,608.15	14,608.15	14,608.15	14,608.15	14,608.15	14,608.15	
4	Quản lý bảo vệ rừng trồng	Ha	1,446.50	289.30	289.30	289.30	289.30	289.30	289.30	
5	Chăm sóc rừng thay thế	Ha	100	50	50				20	

Handwritten signature

DANH MỤC ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2016-2020 CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HÒI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1047/UBND-KT ngày 12 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung đầu tư	Đơn vị tính	Đơn giá	Khối lượng	Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020	Trong đó			Kế hoạch các năm									
						Ngân sách Nhà nước	Quỹ bảo vệ rừng	Vốn doanh nghiệp, huy động khác	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
									Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí
	TỔNG SỐ				49,265	31,640	2,401	15,224		21,838		5,224		6,501		7,004		8,698
A	ĐẦU TƯ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG				34,733	17,108	2,401	15,224		7,306		5,224		6,501		7,004		8,698
I	Lâm sinh				17,299	14,608	2,401	289		3,806		3,529		3,321		3,321		3,321
1	Quản lý bảo vệ rừng	lượt/ha		83,034.0	16,607	14,608	1,709	289	16,606.8	3,321	16,606.8	3,321	16,606.8	3,321	16,606.8	3,321	16,606.8	3,321
a	Rừng có dịch vụ môi trường rừng	ha		8,546.8	1,709		1,709		1,709.4	342	1,709.4	342	1,709.4	342	1,709.4	342	1,709.4	342
-	Rừng tự nhiên là rừng sản xuất	ha	0.2	8,224.4	1,645		1,645		1,644.9	329	1,644.9	329	1,644.9	329	1,644.9	329	1,644.9	329
-	Rừng tự nhiên là rừng phòng hộ	ha	0.2	322.4	64		64		64.5	13	64.5	13	64.5	13	64.5	13	64.5	13
b	Rừng không có ịch vụ môi trường rừng	ha		74,487.3	14,897	14,608		289	14,897.5	2,979	14,897.5	2,979	14,897.5	2,979	14,897.5	2,979	14,897.5	2,979
-	Rừng tự nhiên là rừng sản xuất	ha	0.2	73,040.8	14,608	14,608			14,608.2	2,922	14,608.2	2,922	14,608.2	2,922	14,608.2	2,922	14,608.2	2,922
-	Rừng khác	ha	0.2	1,446.5	289			289	289.3	58	289.3	58	289.3	58	289.3	58	289.3	58
2	Chăm sóc rừng trồng thay thế	ha			692		692		50	485	50	208						

TT	Nội dung đầu tư	Đơn vị tính	Đơn giá	Khối lượng	Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020	Trong đó			Kế hoạch các năm									
						Ngân sách Nhà nước	Quỹ bảo vệ rừng	Vốn doanh nghiệp, huy động khác	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
									Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí
-	Chăm sóc năm thứ 3	ha	9.69	50	485		485		50	485								
-	Chăm sóc năm thứ 4	ha	4.15	50	208		208				50	208						
II	Phát triển rừng				14,934			14,934		2,800		1,695		2,280		3,683		4,477
1	Trồng lại rừng sau khai thác	ha	43.7		2,187			2,187	50	996	50	499	50	485	50	208		
-	Trồng mới và chăm sóc năm thứ 1	ha	19.9	50	996			996	50	996								
-	Chăm sóc rừng trồng năm thứ 2	ha	10.0	50	499			499			50	499						
-	Chăm sóc rừng trồng năm thứ 3	ha	9.69	50	485			485					50	485				
-	Chăm sóc rừng trồng năm thứ 4	ha	4.15	50	208			208							50	208		
2	Xây dựng dự án trồng rừng sản xuất	ĐA			1,546			1,546	1	1,546								
3	Trồng rừng sản xuất	ha		650	9,149			9,149				996		1,495		2,976		3,682
-	Trồng mới và chăm sóc năm thứ 1	ha	19.9	300	5,976			5,976			50	996	50	996	100	1,992	100	1,992
-	Chăm sóc rừng trồng năm thứ 2	ha	10.0	200	1,996			1,996					50	499	50	499	100	998
-	Chăm sóc rừng trồng năm thứ 3	ha	9.69	100	969			969							50	485	50	485

TT	Nội dung đầu tư	Đơn vị tính	Đơn giá	Khối lượng	Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020	Trong đó			Kế hoạch các năm									
						Ngân sách Nhà nước	Quỹ bảo vệ rừng	Vốn doanh nghiệp, huy động khác	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
									Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí
-	Chăm sóc rừng trồng năm thứ 4	ha	4.15	50	208			208									50	208
4	Xây dựng dự án Nuôi dưỡng rừng tự nhiên	ha	0.10	1,589	159			159	1,589.0	159								
5	Nuôi dưỡng rừng tự nhiên	ha	0.5	3,789	1,895			1,895	200	100	400	200	600	300	1,000	500	1,589	795
III	Cơ sở hạ tầng				2,500	2,500			1	700				900				900
-	Trạm bảo vệ rừng	cái	700	3	2,100	2,100			1	700			1	700			1	700
-	Chòi canh lửa	cái	200	2	400	400							1	200			1	200
B	NỘI DUNG ĐẦU TƯ KHÁC			20,759.3	14,532	14,532			20,759.3	14,532								
I	Rà soát, đo đạc, cắm mốc, lập bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	ha	0.7	20,759.3	14,532	14,532			20,759.3	14,532								

he